



BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

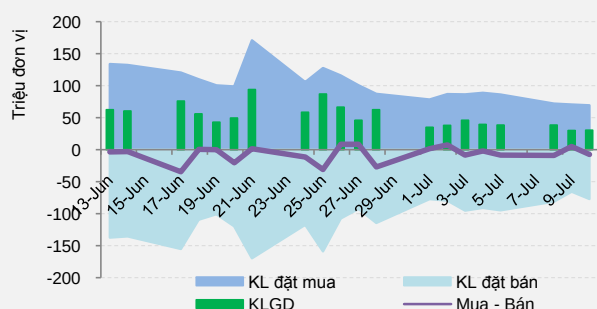
Phiên giao dịch ngày:

10/7/2013

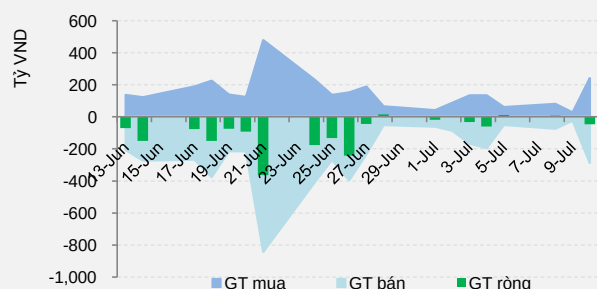
Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	484.4	62.4
% Thay đổi	↓ -0.22%	↓ -0.24%
KLGD (CP)	30,641,786	21,868,795
GTGD (tỷ đồng)	668.60	157.52
Tổng cung (CP)	76,902,580	51,654,300
Tổng cầu (CP)	69,446,360	42,243,900

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	5,680,670	1,662,200
KL mua (CP)	3,191,740	1,026,600
GTmua (tỷ đồng)	241.02	11.64
GT bán (tỷ đồng)	287.47	17.03
GT ròng (tỷ đồng)	(46.45)	(5.39)

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.22%	7.1	1.5	0.7%
Công nghiệp	↓ -0.61%	22.7	1.0	12.8%
Dầu khí	↑ 0.07%	5.6	1.2	3.1%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.19%	9.5	1.8	1.7%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.10%	7.7	2.4	0.6%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.43%	14.9	4.9	32.3%
Ngân hàng	↓ -0.72%	7.1	1.3	4.7%
Nguyên vật liệu	↓ -0.25%	8.1	1.9	10.1%
Tài chính	↓ -0.45%	27.3	2.8	25.5%
Tiện ích Cộng đồng	↑ 1.23%	9.1	3.2	8.6%
VN - Index	↓ -0.22%	13.7	3.0	81.1%
HNX - Index	↓ -0.24%	22.5	1.5	18.9%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Thị trường giảm điểm trở lại về cuối phiên trước lực bán từ khối ngoại tại một số cổ phiếu bluechips. KLGD toàn thị trường tăng nhẹ so với phiên trước, tuy nhiên vẫn tập trung vào một nhóm cổ phiếu, diễn biến thị trường chung tiếp tục âm ảm.

Theo quan điểm kỹ thuật, mức cản 490-492 vẫn tiếp tục là vùng cản mạnh của chỉ số VN-Index. Chỉ số không duy trì được mức tăng khá tốt tạo lập từ đầu phiên, có xu hướng yếu dần và đóng cửa ở mức thấp nhất trong phiên. Chỉ số HNX-Index vẫn đang giao dịch trong biên độ hẹp giữa hai vùng hỗ trợ và kháng cự 61.5-64 điểm. Diễn biến này tiếp tục cho tín hiệu lực cầu yếu, dù áp lực cung giá thấp không nhiều.

Chúng tôi vẫn bảo lưu quan điểm xu hướng giảm điểm của thị trường. Nhà đầu tư nên xem xét tiếp tục duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức thấp và chờ đợi thị trường có những tín hiệu tích cực hơn.

- VN-Index giảm điểm trở lại về cuối phiên trước áp lực cung từ khối ngoại, dù phần lớn thời gian thị trường tăng điểm.

- HNX-Index phiên hôm nay cũng giảm điểm nhẹ và đóng cửa ở 62.43 điểm, giảm 0.15 điểm (0.24%) so với phiên trước đó.

- Hãng xếp hạng tín nhiệm Standard & Poor's (S&P) giữ nguyên xếp hạng nợ dài hạn của Việt Nam ở mức BB- và nợ ngắn hạn ở mức B. Trong tương quan với các nước ASEAN khác, xếp hạng dài hạn của Việt Nam vẫn được giữ ở mức axBB+ và xếp hạng ngắn hạn duy trì ở axB. S&P cũng đặt triển vọng ổn định cho Việt Nam. Theo S&P, mức xếp hạng tổ chức này đặt cho Việt Nam phản ánh Việt Nam vẫn là một nền kinh tế có thu nhập thấp, vị thế tài khóa yếu, khung tiền tệ và tài chính vẫn đang trong quá trình hoàn thiện. Đồng thời, khung chính sách vẫn còn nhiều thay đổi có thể khiến các chỉ số xếp hạng yếu đi. Tuy nhiên, tổ chức này cũng đánh giá tích cực về các biện pháp bình ổn được thực hiện kể từ năm 2011, làm giảm đáng kể những điểm mất cân đối trong nền kinh tế vĩ mô, tăng niềm tin vào đồng nội tệ cũng như chính sách.

- Giá vàng trong nước tiếp tục hạ nhiệt nhẹ, biến động trái chiều với đà tăng của giá vàng Thế giới. Tỷ giá VND/USD trên thị trường tự do cũng giảm nhẹ so với mốc 21,700 VND của ngày hôm trước. Ngày mai NHNN sẽ tiếp tục tổ chức đấu thầu vàng miếng, khối lượng chào thầu giảm xuống 1 tấn, sau 4 phiên liên tục chào thầu hơn 1.5 tấn vàng.

- Lợi suất trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 2 và 3 năm đã tăng lên mức cao nhất trong 7 tuần gần đây, khi giá trái phiếu giảm mạnh trước diễn biến bất ổn của tỷ giá. Theo Reuters, lợi suất trái phiếu kỳ hạn 2 năm đã tăng 0.135%, lên 6.985%, trái phiếu kỳ hạn 3 năm tăng 0.195%, lên 7.32%. Diễn biến này cho thấy xu hướng bán trái phiếu của NĐTNN vẫn còn tiếp diễn.



PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Giảm	Đi ngang

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Giảm	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index giảm điểm trở lại mặc dù phần lớn thời gian thị trường tăng điểm và đóng cửa ở mức 484.43 điểm, giảm 1.07 điểm (-0.22%) so với phiên trước. Mức tăng mạnh nhất của chỉ số này là 489.93 điểm.

- KLGD có sự cải thiện nhẹ nhưng nhìn chung thị trường vẫn giao dịch trong không khí tương đối ảm đạm.

- Chỉ báo RSI tiếp tục diễn biến đi ngang quanh vùng 40 điểm

- Mức cản 490-492 vẫn tiếp tục là vùng cản mạnh của chỉ số VN-Index

Nhận định: Thị trường đã không duy trì được mức tăng khá tốt tạo lập từ đầu phiên và có xu hướng yếu dần và đóng cửa ở mức thấp nhất trong phiên. Áp lực bán ra về cuối phiên dù không quá mạnh nhưng cũng làm cho tâm lý chung có phần xấu đi. Nhà đầu tư nên xem xét tiếp tục duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức thấp và chờ đợi thị trường có những tín hiệu tích cực hơn

HNX-INDEX

- HNX-Index phiên hôm nay cũng giảm điểm nhẹ và đóng cửa ở 62.43 điểm, giảm 0.15 điểm (0.24%) so với phiên trước đó, mức thấp nhất của chỉ số này trong phiên là 62.13 điểm.

- KLGD tiếp tục sụt giảm so với phiên trước, giao dịch thị trường khá ảm đạm.

- Chỉ báo RSI vẫn ở mức cân bằng chưa có sự đột biến

- Phiên hôm nay HNX-Index vẫn đang giao dịch trong biên độ hẹp giữa hai vùng hỗ trợ và kháng cự 61.5-64 điểm và khả năng sẽ biến động hẹp trong thời gian này một thời gian dài.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index giảm nhẹ trở lại trong phiên hôm nay với thanh khoản cạn kiệt. Hiện tại MA50 không còn là hỗ trợ của chỉ số này, thay vào đó là đường xu hướng dài hạn. Mức 61.5-64 điểm sẽ là mức hỗ trợ cho chỉ số này. Nhà đầu tư tiếp tục xem xét duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức thấp.

LỘC CỔ PHIẾU

Chúng tôi vẫn đánh giá tích cực về xu hướng thị trường trong trung dài hạn, khi các giải pháp xử lý nợ xấu, thúc đẩy tín dụng vẫn đang trong quá trình triển khai.

Nhóm cổ phiếu Bluechips có nền tảng cơ bản tốt vẫn được xem là cơ hội đầu tư đáng quan tâm trong năm 2013. Chúng tôi thống kê chỉ tiêu tài chính của 10 cổ có tăng trưởng lợi nhuận Q1.2013 cao nhất, 10 cổ phiếu có KQKD Q1 hoàn thành kế hoạch năm 2013 cao nhất, 10 cổ phiếu có tỷ lệ sở hữu của NĐTNN cao nhất để nhà đầu tư tham khảo.

TOP CỔ PHIẾU CÓ TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q1.2013 SO CÙNG KỲ CAO NHẤT

Mã CK	LN Q1.2013	LN Q1 YOY	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	Công nợ/VCSH	Beta	PB	KH cổ tức 2013
SDA	1.96	9686.90%	9,808	198	14,632	0.70%	1.36%	22.78	0.97	0.79	0.31	500
KDC	32.64	8965.80%	29,134	2,448	27,515	6.84%	9.21%	19.12	0.32	0.36	1.70	2,000
PGC	20.89	4647.90%	490,948	1,616	12,478	5.61%	13.50%	5.57	1.51	1.19	0.72	1,200
SDE	0.94	3045.40%	6,820	1,822	14,678	4.19%	13.06%	3.62	2.34	1.02	0.45	1,000
NKG	25.27	2023.67%	105,403	(3,516)	10,142	-4.99%	-31.8%	(3.78)	6.56	(0.11)	1.31	-
HTL	0.53	1882.89%	209	487	11,105	2.78%	4.51%	14.16	0.77	0.39	0.62	500
RIC	4.03	1818.00%	1,200	178	14,907	0.98%	1.19%	31.52	0.24	0.29	0.38	-
VIP	112.09	1758.84%	1,028,581	2,694	16,481	7.94%	17.88%	2.75	1.06	1.86	0.45	-
PSI	3.26	1614.78%	562,293	65	9,944	0.36%	0.66%	103.08	0.86	1.86	0.67	-
PDC	1.36	1605.10%	8,155	444	8,499	3.59%	5.30%	6.98	0.43	0.78	0.36	-

TOP CỔ PHIẾU CÓ KQKD Q1.2013 HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH NĂM 2013 CAO NHẤT

Mã CK	LN Q1.2013	LN Q1 YOY	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	% so với KH 2013	Beta	PB	KH cổ tức 2013
PPC	945	612%	1,538,617	4,489	15,629	12%	35%	4.99	282%	1.54	1.43	800
PSI	3	1615%	562,293	65	9,944	0%	1%	103.08	162%	1.86	0.67	-
PVT	53	29%	1,947,128	461	11,344	1%	4%	11.05	136%	1.29	0.45	-
NBP	11	191%	3,900	2,780	17,394	10%	16%	5.75	110%	0.76	0.92	500
BSI	2	-91%	86,275	(50)	7,861	0%	-1%	(76.76)	106%	0.70	0.48	-
SEC	32	19%	2,263	4,010	14,498	11%	28%	4.16	103%	0.29	1.15	1,300
SLS	12	#N/A	45	7,244	25,154	19%	30%	3.75	99%	0.04	1.08	1,500
MKV	0	177%	1,700	224	9,383	2%	3%	28.17	98%	0.87	0.67	-
VIP	112	1759%	1,028,581	2,694	16,481	8%	18%	2.75	95%	1.86	0.45	-
ITC	7	90%	571,134	131	25,718	0%	1%	58.16	88%	1.16	0.30	-

TOP CỔ PHIẾU CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU NĐTNN CAO NHẤT

Mã CK	LN Q1.2013	LN Q1 YOY	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	P/E Ngành	Beta	KH cổ tức 2013	% sở hữu NĐTNN
BBC	4.41	151%	6,331	1,821	37,836	3.88%	5.05%	12.19	12.77	0.82	-	49.00%
JVC	7.08	77%	165,851	4,674	19,891	14.12%	27.7%	3.98	7.66	0.99	-	49.00%
FPT	474.68	39%	286,977	5,713	23,841	10.85%	25.0%	7.25	6.97	1.01	2,000	49.00%
GBS	-	-	174,759	(515)	11,230	-1.53%	-4.47%	(3.30)	#N/A	1.89	-	49.00%
TCR	(44.26)	-129%	5,102	(523)	14,344	-1.42%	-3.53%	(6.89)	44.37	0.27	-	49.00%
TKU	9.80	178%	610	982	11,074	3.89%	9.42%	6.3	44.37	1.87	-	49.00%
SSI	160.06	-14%	1,778,575	1,259	15,169	5.35%	8.55%	13.83	#N/A	1.20	1,000	49.00%
VSC	45.27	-18%	43,040	9,194	32,434	21.20%	29.46%	4.57	9.97	0.67	-	49.00%
DHG	118.72	16%	13,054	7,753	27,592	21.38%	30.47%	11.22	7.66	0.52	2,500	49.00%
PNJ	65.94	-29%	33,252	3,090	18,152	8.10%	17.90%	8.25	5.95	0.56	2,000	49.00%

Ghi chú: EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất

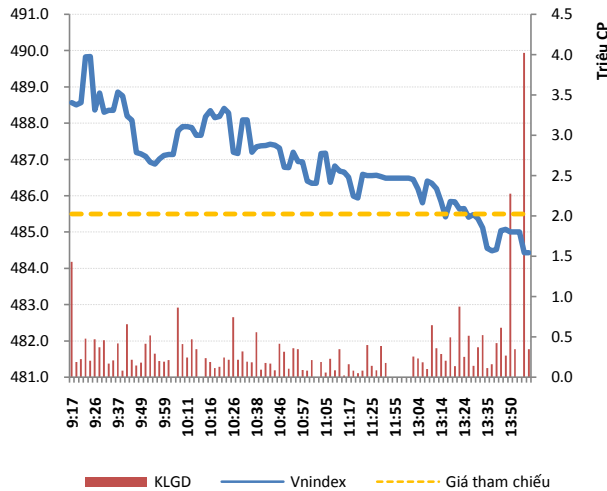
BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 10/07/2013.

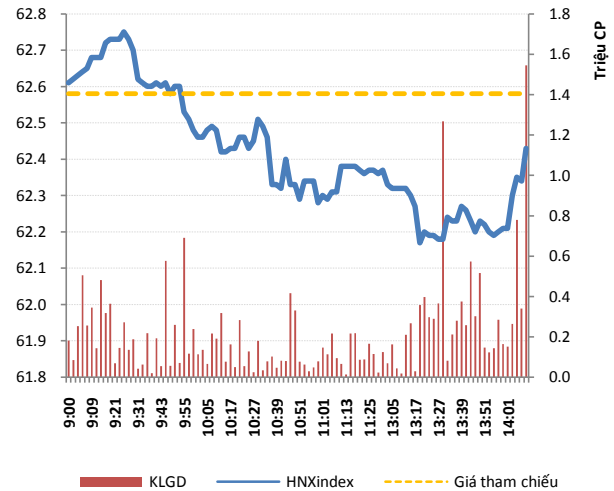


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

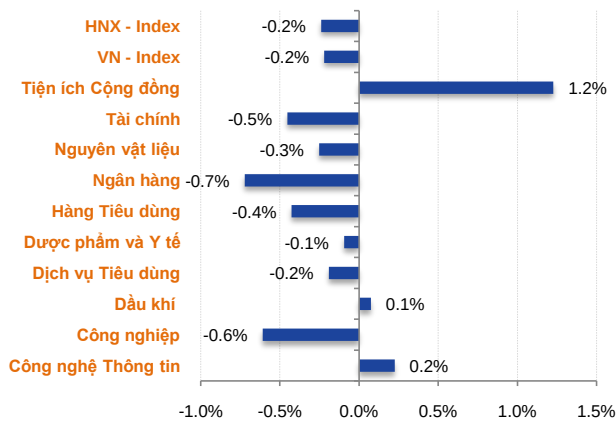
KLGD và VN-Index trong phiên



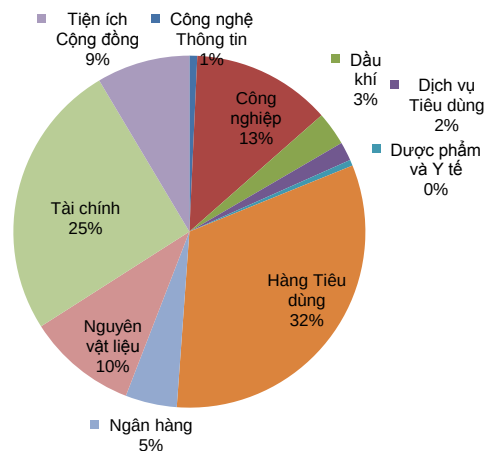
KLGD và HNX-Index trong phiên



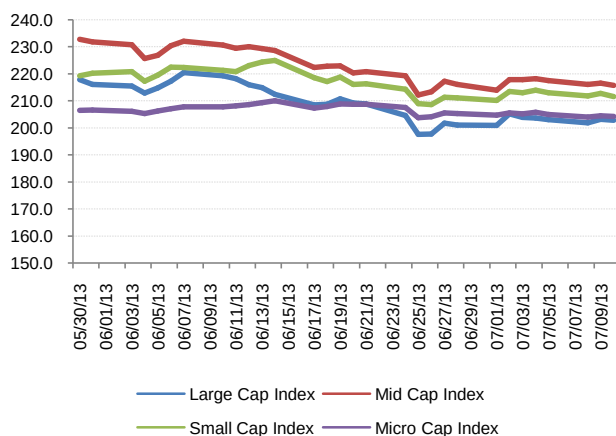
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



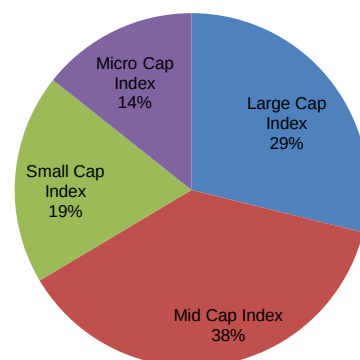
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	GAS	149,300	PPC	598,640
2	TDH	139,970	ITA	469,600
3	PVD	103,250	STB	357,840
4	DRC	93,280	OGC	268,350
5	PVT	81,000	EIB	250,210

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHB	170,300	VCG	464,000
2	PVS	31,000	PVX	421,000
3	KHB	24,000	DBC	34,000
4	PMC	10,700	AAA	11,000
5	EFI	10,300	HOM	10,800

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVT	5.5	5.6	↑ 1.82%	2,312,400
HQC	6.5	6.5	→ 0.00%	1,556,420
VNM	136.0	136.0	→ 0.00%	1,431,190
ITA	6.6	6.6	→ 0.00%	1,324,230
PPC	24.8	24.2	↓ -2.42%	1,214,450

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
FLC	6.2	6.1	↓ -1.61%	6,051,000
SCR	6.8	6.9	↑ 1.47%	3,456,000
PVX	5.0	4.9	↓ -2.00%	2,784,850
SHB	6.7	6.7	→ 0.00%	945,162
KLS	8.7	8.6	↓ -1.15%	861,780

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
COM	27.4	29.3	1.9	↑ 6.93%
SEC	17.5	18.7	1.2	↑ 6.86%
TRC	44.0	47.0	3.0	↑ 6.82%
PTC	6.0	6.4	0.4	↑ 6.67%
HAR	21.2	22.6	1.4	↑ 6.60%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PSG	0.8	0.9	0.1	↑ 12.50%
NIS	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
QHD	6.0	6.6	0.6	↑ 10.00%
SGH	72.0	79.2	7.2	↑ 10.00%
FDT	28.3	31.1	2.8	↑ 9.89%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SPM	27.7	25.8	-1.9	↓ -6.86%
SVT	7.3	6.8	-0.5	↓ -6.85%
ASP	5.9	5.5	-0.4	↓ -6.78%
TMS	25.2	23.5	-1.7	↓ -6.75%
HHS	17.9	16.7	-1.2	↓ -6.70%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HHL	0.9	0.8	-0.1	↓ -11.11%
SDE	8.0	7.2	-0.8	↓ -10.00%
SJM	2.0	1.8	-0.2	↓ -10.00%
VXB	8.5	7.7	-0.8	↓ -9.41%
DZM	4.3	3.9	-0.4	↓ -9.30%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVT	2,312,400	4.2%	461	12.1	0.5
HQC	1,556,420	3.1%	447	14.5	0.5
VNM	1,431,190	40.4%	7,294	18.6	6.7
ITA	1,324,230	0.2%	34	196.8	0.5
PPC	1,214,450	35.0%	4,489	5.4	1.5

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	6,051,000	3.2%	565	10.8	0.4
SCR	3,456,000	-0.3%	(41)	-	0.4
PVX	2,784,850	-34.5%	(2,816)	-	0.8
SHB	945,162	-2.3%	(266)	-	0.6
KLS	861,780	0.4%	55	157.2	0.7

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
COM	↑ 6.9%	6.6%	1,715	17.1	1.2
SEC	↑ 6.9%	27.8%	4,010	4.7	1.3
TRC	↑ 6.8%	27.3%	11,679	4.0	1.0
PTC	↑ 6.7%	-28.2%	(5,938)	-	0.3
HAR	↑ 6.6%	4.3%	469	48.2	2.1

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PSG	↑ 12.5%	-329.5%	(6,986)	-	(3.6)
NIS	↑ 10.0%	0.7%	79	110.8	0.8
QHD	↑ 10.0%	12.0%	1,390	4.7	0.6
SGH	↑ 10.0%	20.0%	5,010	15.8	3.0
FDT	↑ 9.9%	1.2%	197	158.1	2.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	149,300	42.1%	6,141	9.8	3.6
TDH	139,970	1.4%	472	26.3	0.4
PVD	103,250	19.9%	6,697	7.3	1.4
DRC	93,280	29.8%	4,010	9.6	2.2
PVT	81,000	4.2%	461	12.1	0.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	170,300	-2.3%	(266)	-	0.6
PVS	31,000	18.6%	3,133	5.0	1.0
KHB	24,000	-6.7%	(1,056)	-	0.2
PMC	10,700	35.7%	4,848	7.4	1.7
EFI	10,300	5.9%	846	7.1	0.5

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	113,700	42.1%	6,141	9.8	3.6
VNM	113,359	40.4%	7,294	18.6	6.7
MSN	64,873	6.5%	1,469	62.6	4.1
CTG	64,016	17.2%	2,659	7.4	1.3
VCB	63,265	10.1%	1,804	15.1	1.5

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,744	3.1%	432	37.0	1.1
SQC	8,602	9.1%	1,110	70.5	6.3
PVS	6,969	18.6%	3,133	5.0	1.0
SHB	5,937	-2.3%	(266)	-	0.6
VCG	4,991	2.3%	267	42.3	1.0

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	2.34	-12.5%	(1,768)	-	0.6
ITA	2.29	0.2%	34	196.8	0.5
GMD	2.28	4.8%	1,913	13.4	0.6
OGC	2.19	0.6%	69	150.6	0.9
BVH	1.93	9.3%	1,634	25.5	2.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VCG	3.29	2.3%	267	42.3	1.0
PVA	2.95	-75.1%	(6,080)	-	0.9
LM7	2.78	4.4%	513	7.4	0.3
PVV	2.71	-26.1%	(2,486)	-	0.4
SCR	2.70	-0.3%	(41)	-	0.4



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238
Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn
Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)